CHỈ SỐ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH XANH TẠI VIỆT NAM

TS. Lê Thị Ánh*

Bài báo nghiên cứu hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính xanh và các nguyên tắc quốc tế, đặc biệt là Khung phân loại của EU và mô hình tài chính xanh tại Châu Á, đồng thời đánh giá thực trạng thị trường tài chính xanh tại Việt Nam. Dựa trên đó, bài báo đề xuất chỉ tiêu tài chính xanh cho ba cấp độ: doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và dự án, cùng lộ trình triển khai và giải pháp chính sách thúc đẩy vốn xanh và chuyển đổi nền kinh tế carbon thấp.

• Từ khóa: *tài chính xanh, chỉ tiêu phân tích tài chính xanh, phát triển bền vững, khung phân loại (taxonomy) EU, danh mục phân loại xanh quốc gia.*

The article examines the system of green financial analysis indicators and international principles, particularly the EU Taxonomy framework and green finance models in Asia, and evaluates the current state of the green finance market in Vietnam. Based on this, the article proposes green finance indicators for three levels: enterprises, credit institutions, and projects, along with an implementation roadmap and policy solutions to promote green capital and facilitate the transition to a low-carbon economy.

• Key words: *green finance, green finance analysis indicators, sustainable development, EU taxonomy, national green taxonomy.*

Ngày nhận bài: 25/12/2025
Ngày gửi phản biện: 05/02/2026
Ngày duyệt đăng: 17/02/2026
DOI:

1. Tài chính xanh và phân tích tài chính xanh

Tài chính xanh được định nghĩa là quá trình hình thành và luân chuyển các nguồn tài chính thông qua các công cụ tài chính, với mục tiêu phát triển nền kinh tế xanh và bền vững.

Phân tích tài chính xanh là quá trình đánh giá các yếu tố tài chính liên quan đến các hoạt động xanh và phát triển bền vững của tổ chức, nhằm cung cấp thông tin về tác động môi trường, xã hội và quản trị (ESG) của các quyết định tài chính và đầu tư. Mục tiêu là cung cấp dữ liệu kịp thời và chính xác cho các đối tượng liên quan, giúp họ đưa ra các quyết định đầu tư, tài trợ và quản lý phù hợp, đồng thời thúc đẩy sự chuyển đổi sang các hoạt động bền vững và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội.

Trong đó, hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính xanh hiệu quả không chỉ bó hẹp trong việc đo lường các hoạt động xanh thuần túy, mà cần đủ linh hoạt và toàn diện để đánh giá, đo lường và khuyến khích quá trình chuyển đổi của các ngành kinh tế trọng điểm, đặc biệt là các ngành có mức phát thải cao.

2. Căn cứ đề xuất chỉ tiêu phân tích tài chính xanh tại Việt Nam

2.1. Khung Phân loại Xanh của Liên minh châu Âu (EU Taxonomy)

EU Taxonomy là một trong những khuôn khổ toàn diện và có ảnh hưởng nhất về tài chính bền vững, với mục tiêu tăng cường tính minh bạch, tạo niềm tin cho nhà đầu tư và chống lại hiện tượng tẩy xanh, phân loại các hoạt động kinh tế bền vững môi trường và định hướng dòng vốn vào các hoạt động chuyển đổi xanh.

Để được coi là tương thích với EU Taxonomy, hoạt động phải đáp ứng bốn điều kiện: đóng góp đáng kể vào ít nhất một mục tiêu môi trường của EU, không gây hại đáng kể đến các mục tiêu khác, tuân thủ các biện pháp bảo vệ tối thiểu về quyền con người và lao động, và đáp ứng các Tiêu chí Sàng lọc Kỹ thuật (TSC).

Sáu mục tiêu môi trường của EU Taxonomy bao gồm: giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên nước và biển, chuyển đổi nền kinh tế tuần hoàn, phòng ngừa ô nhiễm, và bảo vệ đa dạng sinh học.

Các doanh nghiệp lớn và tổ chức tài chính tại EU phải công bố mức độ tương thích với Taxonomy qua ba chỉ số chính: doanh thu, chi phí đầu tư và chi phí hoạt động từ các hoạt động xanh. Cơ chế công bố thông tin này đã khiến EU Taxonomy thành công cụ quản trị mạnh mẽ, buộc các tổ chức đo lường và báo cáo hiệu suất môi trường. Đây là bài học cho Việt Nam trong việc xây dựng cơ chế công bố thông tin minh bạch, thực thi, và phát triển danh mục phân loại xanh quốc gia để thúc đẩy thị trường.

2.2. Bối cảnh, khung pháp lý tại Việt Nam ảnh hưởng đến phân tích tài chính xanh

Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ về phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu tại COP26, xác định các mục tiêu cụ thể trong Chiến lược quốc gia về

** Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông; email: leanhktla@gmail.com*

tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Văn bản pháp lý liên quan tài chính xanh

Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 là văn bản pháp lý nền tảng, đầu tiên ghi nhận các khái niệm công cụ tài chính xanh.

Thông tư số 17/2022/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành, yêu cầu các tổ chức tín dụng xây dựng quy trình nội bộ để nhận diện, đánh giá, theo dõi và kiểm soát các rủi ro môi trường trong các dự án đầu tư.

Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg quy định các tiêu chí môi trường và xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh để hưởng ưu đãi phải đáp ứng hai điều kiện: (1) hoàn thành các thủ tục pháp lý về môi trường và (2) thuộc các lĩnh vực mang lại lợi ích môi trường, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật.

Vì vậy, hệ thống chỉ tiêu tài chính xanh cần thiết kế để có thể liên kết và đo lường mức độ đóng góp của doanh nghiệp và dự án vào việc thực hiện các mục tiêu này, cũng như lượng hóa rủi ro của Thông tư số 17/2022/TT-NHNN, và hỗ trợ xác định các cơ hội đầu tư xanh theo định hướng của Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg.

3. Đề xuất chỉ tiêu phân tích tài chính xanh tại Việt Nam

3.1. Các chỉ tiêu phân tích ở cấp độ doanh nghiệp

a. Nhóm chỉ tiêu mức độ tương thích xanh

Đây là nhóm chỉ tiêu cốt lõi, được tham khảo trực tiếp từ mô hình EU Taxonomy, nhằm đánh giá mức độ xanh hóa trong hoạt động kinh doanh.

** Tỷ lệ doanh thu xanh*

$$\text{Tỷ lệ doanh thu xanh} = \frac{\text{Doanh thu từ các hoạt động hoặc sản phẩm tương thích danh mục xanh}}{\text{Tổng doanh thu}}$$

Chỉ tiêu này đo lường tỷ trọng doanh thu từ các sản phẩm hoặc dịch vụ được xác định là xanh theo danh mục phân loại xanh. Tỷ lệ càng cao sẽ càng phản ánh sự tập trung vào các lĩnh vực bền vững.

Ví dụ: Tập đoàn Lộc Trời tiên phong trong việc áp dụng quy trình canh tác lúa gạo bền vững theo tiêu chuẩn của Diễn đàn Lúa gạo bền vững (SRP), giúp giảm phát thải khí nhà kính và sử dụng tài nguyên hiệu quả.

Nếu tổng doanh thu của là 13,000 tỷ VND và doanh thu từ việc bán lúa gạo được canh tác theo tiêu chuẩn SRP đạt 2,600 tỷ VND, thì:

Tỷ lệ doanh thu xanh = 2,600 : 13,000 = 20%.

* Tỷ lệ chi đầu tư xanh

$$\text{Tỷ lệ chi đầu tư xanh} = \frac{\text{Chi phí đầu tư TSCĐ cho các hoạt động tương thích danh mục xanh}}{\text{Tổng chi phí đầu tư TSCĐ}}$$

Chỉ tiêu này đo lường phần chi phí đầu tư vào tài sản cố định phục vụ cho các hoạt động xanh. Nó phản ánh việc doanh nghiệp chuyển dịch cơ sở vật chất và năng lực sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường.

Ví dụ: Vinamilk triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại các nhà máy và trang trại. Nếu tổng CapEx của Vinamilk trong năm là 5,000 tỷ VND, trong đó chi phí đầu tư cho hệ thống điện mặt trời và các hệ thống xử lý nước thải hiện đại là 500 tỷ VND, thì tỷ lệ chi đầu tư xanh là 500: 5,000 = 10%.

** Tỷ lệ chi hoạt động xanh*

$$\text{Tỷ lệ chi hoạt động xanh} = \frac{\text{Chi phí hoạt động không vốn hóa liên quan đến các hoạt động xanh}}{\text{Tổng Chi phí hoạt động (OpEx)}}$$

Chỉ tiêu này đo lường chi phí hàng ngày mà doanh nghiệp chi ra để duy trì và cải thiện các hoạt động xanh. Các chi phí này có thể bao gồm bảo trì thiết bị môi trường, R&D cho sản phẩm xanh, và đào tạo nhân viên về bền vững.

Ví dụ: Tập đoàn TH True Milk vận hành một nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải chăn nuôi trong mô hình kinh tế tuần hoàn. Nếu tổng chi phí hoạt động của TH là 10,000 tỷ VND, và các chi phí vận hành nhà máy phân bón, chi phí nghiên cứu các giống cây hữu cơ… là 300 tỷ VND, thì:

Tỷ lệ chi hoạt động xanh = 300 : 10,000 = 3%.

b. Nhóm chỉ tiêu hiệu quả môi trường

Nhóm chỉ tiêu này đo lường tác động vật lý của hoạt động doanh nghiệp lên môi trường, đánh giá hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm thiểu ô nhiễm.

* Chỉ tiêu cường độ phát thải Khí nhà kính

$$\text{Cường độ phát thải Khí nhà kính} = \frac{\text{Tổng phát thải KNK Scope 1 + Scope 2 (tấn CO2tđ)}}{\text{Tổng doanh thu (tỷ VNĐ)}}$$

Chỉ tiêu này đo lường việc sử dụng carbon của doanh nghiệp để tạo ra một đơn vị doanh thu. Chỉ số càng thấp càng cho thấy doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và ít tác động đến khí hậu. Theo dõi chỉ số này qua các năm để đánh giá nỗ lực giảm phát thải.

Ví dụ: Theo báo cáo ESG 2023, FPT có tổng phát thải phạm vi 1 là 12,802 tấn CO2tđ và phạm vi 2 là 65,326 tấn CO2tđ, tổng cộng là 78,128 tấn CO2tđ. Doanh thu năm 2023 của FPT là 52,618 tỷ VND.

Vậy, cường độ phát thải KNK của FPT = 78,128/52,618 ≈ 1.48 tấn CO2tđ trên mỗi tỷ VND doanh thu. FPT đặt mục tiêu giảm 15.8% tổng lượng phát thải vào năm 2030 nên việc theo dõi chỉ số này sẽ giúp đánh giá tiến độ thực hiện cam kết.

** Chỉ tiêu tỷ lệ năng lượng tái tạo*

$$\text{Tỷ lệ năng lượng tái tạo} = \frac{\text{Tổng năng lượng tái tạo tự sản xuất và mua vào (MWh)}}{\text{Tổng năng lượng tiêu thụ (MWh)}}$$

Đây là một chỉ số phổ biến trong các bộ tiêu chuẩn báo cáo bền vững toàn cầu, đo lường mức độ phụ thuộc vào năng lượng sạch. Tỷ lệ cao cho thấy doanh nghiệp đang chuyển dịch cơ cấu năng lượng, giảm phát thải gián tiếp và giảm rủi ro từ biến động giá năng lượng hóa thạch.

Ví dụ: Năm 2023, hệ thống điện mặt trời của TH True Milk sản xuất được 8,331 MWh điện. Giả sử tổng lượng điện tiêu thụ tại các đơn vị lắp đặt hệ thống này là 100,000 MWh, thì tỷ lệ năng lượng tái tạo tự sản xuất của họ là 8,331: 100,000 = 8.33%.

*c. Nhóm chỉ tiêu hiệu quả **tài chính** xanh*

* Chỉ tiêu tỷ suất sinh lời trên tài sản xanh (Green Return on Assets - GROA)

$$\text{GROA} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động xanh}}{\text{Tổng giá trị tài sản xanh}}$$

Chỉ tiêu này nhằm lượng hóa hiệu quả kinh tế của các khoản đầu tư vào tài sản xanh để tạo ra lợi nhuận.

Ví dụ: Giả sử Vinamilk đầu tư 500 tỷ VND vào các tài sản xanh, giúp công ty tiết kiệm 60 tỷ VND chi phí điện và nước mỗi năm. Sau khi trừ các chi phí liên quan, lợi nhuận sau thuế có thể phân bổ cho các tài sản này là 40 tỷ VND. Khi đó:

GROA = (40: 500)*100% = 8%.

Con số này có thể được so sánh với tỷ suất sinh lời trên các tài sản thông thường để đánh giá hiệu quả đầu tư.

** Chỉ tiêu biên lợi nhuận xanh*

$$\text{Biên lợi nhuận xanh} = \frac{\text{Lợi nhuận gộp từ sản phẩm/dịch vụ xanh}}{\text{Doanh thu từ sản phẩm/dịch vụ xanh}}$$

Chỉ tiêu này giúp phân tích khả năng sinh lời của doanh thu xanh và so sánh với sản phẩm truyền thống, cung cấp thông tin quan trọng cho các quyết định chiến lược về phát triển sản phẩm và định giá.

Tiếp nối ví dụ về tỷ lệ doanh thu xanh, giả sử doanh thu từ lúa gạo SRP là 2,600 tỷ VND. Chi phí giá vốn hàng bán (bao gồm chi phí giống, phân bón, nhân công...) cho dòng sản phẩm này là 1,950 tỷ VND. Lợi nhuận gộp từ sản phẩm xanh sẽ là 650 tỷ VND.

Khi đó, biên lợi nhuận xanh = (650 : 2,600) * 100% = 25%.

So sánh giá trị tỷ số này với biên lợi nhuận của các sản phẩm lúa gạo thông thường để đánh giá lợi ích việc áp dụng tiêu chuẩn bền vững.

3.2. Các chỉ tiêu phân tích ở cấp độ tổ chức tín dụng

Chỉ tiêu tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trên tổng dư nợ

$$\text{Tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trên tổng dư nợ} = \frac{\text{Tổng dư nợ cấp cho các dự án,doanh nghiệp thuộc danh mục xanh}}{\text{Tổng dư nợ tín dụng}}$$

Đây là chỉ tiêu cơ bản được các cơ quan quản lý và tổ chức tài chính quốc tế sử dụng để theo dõi quy mô và sự tăng trưởng của tài chính xanh. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã triển khai thống kê và báo cáo chỉ số này. Chỉ tiêu này phản ánh mức độ xanh hóa trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, cho biết phần trăm nguồn vốn ngân hàng phân bổ vào các lĩnh vực xanh.

Ví dụ: Giả sử tổng dư nợ của BIDV cuối năm 2023 là 1.75 triệu tỷ VND. Ngân hàng đã cấp tín dụng cho các dự án được xác nhận thuộc danh mục xanh với tổng dư nợ là 78,750 tỷ VND. Khi đó, tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh của BIDV là:

(78,750 : 1,750,000)*100% = 4.5%

Chỉ tiêu tỷ lệ nợ xấu của danh mục tín dụng xanh

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu tín dụng xanh} = \frac{\text{Tổng dư nợ xấu của các khoản tín dụng xanh}}{\text{Tổng dư nợ tín dụng xanh}}$$

Chỉ tiêu này được xây dựng dựa trên các nghiên cứu thực nghiệm quốc tế, như Chính sách Tín dụng xanh tại Trung Quốc, cho thấy mối tương quan giữa việc gia tăng tỷ trọng cho vay xanh và việc giảm tỷ lệ nợ xấu. Đây là công cụ quản lý rủi ro quan trọng để kiểm chứng chất lượng của danh mục tài sản xanh, giúp ban lãnh đạo đưa ra các quyết định chiến lược về phân bổ vốn.

Ví dụ: Tỷ lệ nợ xấu chung của BIDV theo Báo cáo thường niên 2023 là 1.1%. Nếu ngân hàng tính toán và thấy rằng Tỷ lệ Nợ xấu Tín dụng Xanh chỉ là 0.8%, điều này sẽ cung cấp một bằng chứng thực tiễn, tương tự như kết quả nghiên cứu tại Trung Quốc, cho thấy việc tài trợ cho các dự án xanh không chỉ góp phần vào mục tiêu bền vững mà còn giúp cải thiện chất lượng tài sản và giảm thiểu rủi ro tín dụng cho ngân hàng.

3.3. Chỉ tiêu phân tích ở cấp độ dự án/sản phẩm tài chính

Chỉ tiêu ở cấp độ này giúp đánh giá hiệu quả của từng dự án hoặc sản phẩm tài chính.

Chỉ tiêu Hiệu quả giảm phát thải trên một đơn vị vốn đầu tư

$$\text{Hiệu quả giảm phát thải} = \frac{\text{Lượng phát thải khí nhà kính giảm được hàng năm (tấn CO2 tđ/năm)}}{\text{Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)}}$$

Chỉ tiêu này được phát triển từ các nguyên tắc tài chính tác động và thông lệ tốt nhất trong thẩm định dự án trái phiếu xanh, với việc lượng hóa lợi ích môi trường là yếu tố cốt lõi. Nó đo lường hiệu quả sử dụng vốn trong việc đạt mục tiêu giảm phát thải, cho phép nhà quản lý và các bên liên quan so sánh các dự án trên cùng một thước đo tác động, từ đó phân bổ vốn vào những dự án mang lại lợi ích khí hậu cao nhất trên mỗi đồng vốn bỏ ra.

Ví dụ: Một ngân hàng xem xét tài trợ cho hai dự án. Dự án A là một nhà máy điện gió có tổng vốn đầu tư 2,000 tỷ VND, dự kiến giảm được 100,000 tấn CO2tđ/năm so với sử dụng điện than. Hiệu quả giảm phát thải của dự án A là: 100,000 : 2,000 = 50 tấn CO2tđ/năm trên mỗi tỷ VND

Dự án B là một dự án tiết kiệm năng lượng trong nhà máy sản xuất, có vốn đầu tư 500 tỷ VND và giảm được 30,000 tấn CO2tđ/năm. Hiệu quả của dự án B là 30,000/500=60 tấn CO2tđ/năm trên mỗi tỷ VND

Do đó, dự án B mang lại hiệu quả giảm phát thải trên vốn đầu tư cao hơn.

4. Lộ trình áp dụng và khuyến nghị

4.1. Lộ trình triển khai

Để bộ chỉ tiêu được thị trường tiếp nhận hiệu quả, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có năng lực quản trị và thu thập dữ liệu hạn chế, việc triển khai cần theo một lộ trình rõ ràng. Lộ trình gồm ba giai đoạn:

Giai đoạn 1 (2025 - 2026: Thí điểm và Tự nguyện)

Tập trung vào các doanh nghiệp tiên phong, niêm yết quy mô lớn (VN30, VN100) và các ngân hàng thương mại hàng đầu. Khuyến khích các doanh nghiệp tự nguyện áp dụng và công bố thông tin về các chỉ tiêu cốt lõi dễ thu thập, như Tỷ lệ doanh thu xanh, Tỷ lệ chi đầu tư xanh và cường độ phát thải khí nhà kính (Scope 1 và 2).

Giai đoạn 2 (2027 - 2029: Bắt buộc có điều kiện)

Mở rộng phạm vi áp dụng bắt buộc đối với các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và các ngân hàng thương mại quy mô lớn. Yêu cầu báo cáo bắt buộc đối với các chỉ tiêu thí điểm ở giai đoạn 1 và mở rộng sang các chỉ số chi tiết hơn như tỷ lệ chi hoạt động xanh và tỷ lệ năng lượng tái tạo.

Giai đoạn 3 (2030 trở đi: Mở rộng toàn diện)

Mở rộng đối tượng áp dụng sang các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các công ty đại chúng quy mô lớn chưa niêm yết. Hoàn thiện và áp dụng toàn bộ hệ thống chỉ tiêu, bao gồm các chỉ số ở cấp độ dự án và các chỉ số nâng cao như hiệu quả sử dụng nước và tỷ lệ tái chế chất thải.

4.2. Khuyến nghị nhằm thực hiện chỉ tiêu phân tích tài chính xanh

Đối với các cơ quan quản lý nhà nước

Trước hết, cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện Danh mục phân loại xanh ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg theo hướng rà soát, cập nhật định kỳ nhằm bao quát các ngành nghề và công nghệ mới. Đồng thời, cần ban hành các hướng dẫn kỹ thuật cụ thể với tiêu chí định lượng và định tính rõ ràng, tạo cơ sở thống nhất cho việc xác định và đo lường các chỉ tiêu tài chính xanh trong hệ thống ngân hàng và doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc xây dựng Cơ sở dữ liệu ESG quốc gia là cần thiết nhằm chuẩn hóa thông tin công bố, hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời cung cấp nguồn dữ liệu minh bạch cho nhà đầu tư và các tổ chức tín dụng, góp phần giảm thiểu bất cân xứng thông tin.

Cuối cùng, cần thiết kế các cơ chế khuyến khích gắn với kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính xanh thông qua ưu đãi về thuế, lãi suất hoặc mua sắm công, nhằm thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động bền vững.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp:

Doanh nghiệp cần chủ động đầu tư vào hệ thống thu thập dữ liệu, đào tạo nhân sự về ESG và tích hợp các yếu tố bền vững vào chiến lược kinh doanh cốt lõi, thay vì chờ đợi quy định bắt buộc.

Đối với các tổ chức trung gian và đào tạo:

Nhà nước cần có chính sách để khuyến khích sự phát triển của các tổ chức uy tín về xác minh chỉ số xanh và xếp hạng tín nhiệm ESG nhằm tăng cường niềm tin thị trường và giải quyết vấn đề thiếu đơn vị đánh giá độc lập.

Các cơ sở đào tạo cần cập nhật chương trình giảng dạy, bổ sung các môn học về tài chính xanh, đầu tư bền vững và phân tích ESG vào chương trình chính quy, nhằm phát triển thế hệ nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong lĩnh vực này.

5. Kết luận

Hệ thống chỉ số tài chính xanh ba cấp độ được thiết kế để kết hợp các thông lệ quốc tế và quy định pháp lý của Việt Nam, giúp đo lường, quản lý rủi ro và xác định cơ hội đầu tư vào các dự án xanh. Tuy nhiên, thành công thực tiễn sẽ phụ thuộc vào việc triển khai một lộ trình hợp lý và sự hình thành một hệ sinh thái hỗ trợ đồng bộ. Các khuyến nghị về hoàn thiện khung pháp lý, xây dựng cơ sở dữ liệu ESG quốc gia và phát triển dịch vụ xác minh độc lập sẽ đóng vai trò quan trọng. Khi triển khai hiệu quả, hệ thống chỉ tiêu này không chỉ giúp nâng cao năng lực quản trị và minh bạch hóa thông tin, mà còn thu hút nguồn lực tài chính, hỗ trợ chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp và thực hiện cam kết phát triển bền vững của Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

European Commission. (2024). EU Taxonomy Navigator. https://ec.europa.eu/sustainable-finance-taxonomy/

STMicroelectronics. (2023). EU Taxonomy. https://sustainabilityreports.st.com/sr23/key-data/eu-taxonomy.html

Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 1658/QĐ-TTg: Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

Quốc hội Việt Nam. (2014). Luật Bảo vệ Môi trường.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2022). Thông tư số 17/2022/TT-NHNN.

Thủ tướng Chính phủ. (2025). Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ban hành ngày 04/07/2025.